

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Trang H, sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: Đội 2, xã DC, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Vũ Thanh Th, sinh ngày 06/9/2018

Người đại diện hợp pháp cho cháu Th: Chị Lê Trang H là mẹ đẻ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57, 58, 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Trang H và anh Vũ Mạnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trang H và anh Vũ Mạnh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Thanh Th sinh ngày 06/9/2018. Ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận chị H được quyền nuôi dưỡng cháu Th kể từ tháng 9/2020, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, được tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, thành niên và tự lập được. Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T không thi hành thì còn

phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Chị H anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Trang H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000640 ngày 19/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã DC (GCNKH số 31/2017 ngày 30/7/2017);
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang

